TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HS-ST
Ngày 24/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2020/TLST-HS ngày 26/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HS ngày 08/12/2020 đối với các bị cáo:

01. **Nguyễn Xuân N**, sinh ngày 03/6/2002 tại xã T2, huyện T1, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn B, xã T2, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H (sinh năm 1975) và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1975); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2020 đến ngày 15/9/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T1. *(Có mặt)*

02. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 26/6/2004 tại xã T4, huyện T1, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn H1, xã T4, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1984) và bà Nguyễn Thị Y (sinh năm 1982); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2020. *(Có mặt)*

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn H1, xã T4, huyện T1, tỉnh T *(Có mặt).*

** Người bào chữa cho bị cáo Đ*: Bà Trần Thị L – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. *(Có mặt)*

** Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị cáo Nguyễn Văn Đ cư trú*: Ông Phạm Thành T5, sinh năm 1983 – Bí thư đoàn xã T4, huyện T1. *(Có mặt)*

** Bị hại:*

- Chị Lê Thị L1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. *(Có mặt).*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Thọ D1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 121, tổ dân phố số 6, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02/9/2020, Nguyễn Văn Đ nhắn tin cho Nguyễn Xuân N với nội dung cho Đ ở nhờ nhà N mấy hôm, khoảng 18 giờ cùng ngày N đến đón Đ về nhà bà Nguyễn Thị T3 (là mẹ đẻ của N) thuê của bà Tô Thị U, sinh năm 1966 tại tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1 ăn cơm, sau đó Đ và N lên mái nhà nhà N nằm nghỉ. Đ có nói chuyện với N về việc kiếm tiền để đi H2. N nói với Đoàn sẽ xin tiền mẹ để đi với Đ thì Đ nói "kiếm cái gì đi bán". N và Đ đi xung quanh nhà nhưng không có gì bán được. Lúc này, Đ nhìn sang khu nhà bà U (là mẹ đẻ chị Lê Thị L1) ở bên cạnh nhà mẹ của N thuê thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ mận biển kiểm soát 17B6-359.25 và nói với N "N ơi nhà này có con xe chắc giàu lắm đây", N trả lời "Tao không biết nó có giàu không" và cả hai sau đó cùng nảy sinh ý định vào nhà chị L1 trộm cắp tài sản.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 03/9/2020, N bảo Đ xuống nhà chị L1 sờ thử cửa sổ xem điện thoại có không, Đ trèo từ mái nhà xuống bờ tường lối sau nhà chỗ phơi quần áo nhà chị L1 có cửa sổ cạnh giường ngủ không khóa. Đ kiểm tra nhưng không có gì, Đ trèo lên mái nhà hỏi N "Khóa cửa bên trong làm kiểu gì", N nói làm bằng chốt và Đ đi tìm được đoạn dây thép dài 40-50cm, N xuống dưới nhà lấy lên cho Đ 01 đoạn dây màu xanh, Đ buộc sắt vào ống và bẻ thành hình móc. Đ trèo xuống sân nhà chị L1 rồi N đứng trên mái nhà đưa ống xuống cho Đ để mở cửa lách lối phơi quần áo. Đ dùng que móc khuy cửa kéo mở ra rồi Đ trèo ngược lại lên mái nhà N.

Sau đó Đ trèo xuống lối cửa vừa mở được, đi vào trong nhà tới vị trí bàn học lấy 01 chiếc điện thoại Iphone 5S và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 bỏ vào túi quần rồi đi ra đưa cho N ngồi ở trên mái nhà cầm. N nói với Đ "mở hết tủ bàn học xem lại", Đ quay lại bàn học thấy có một chiếc máy tính Laptop Lenovo Thinkpad T420coreI5 màu đen, Đ cầm máy tính ra đưa cho N. Đ lại quay vào nhà gần chỗ bàn học cầm một chùm chìa khóa xe máy và chìa khóa nhà, Đ đi vào khu vực bếp tiếp tục lấy được chùm chìa khóa nhà và cổng, Đ mở cửa chính đi ra sân sau và giơ chùm chìa khóa cho N xem. Đ dùng chìa khóa xe mô tô mở khóa dắt chiếc xe Honda Vision màu đỏ mận biển kiểm soát 17B6-359.25 ra đến cổng, mở cổng dắt xe ra đường. N ném ba lô quần áo xuống cho Đ rồi N cầm hai chiếc điện thoại vừa trộm được trèo xuống lối cổng nhà chị L1. N cùng Đ cất giấu hai chùm chìa khóa nhà vào góc vườn. Đ nói với N là máy tính to không có chỗ để nên N vẫn để chiếc máy tính trên mái nhà N. Đ điều khiển xe chở N ra H2 đến huyện V1, H2 thì dừng xe lại mở cốp xe ra bên trong có 01 chiếc ví nữ giả da màu nâu có ngăn kéo khóa, kiểm tra bên trong ví có 01 chiếc nhẫn vàng hình tròn 1 chỉ 9999, có giấy đăng ký xe mô tô BKS 17B6-359.25 cùng một số giấy tờ mang tên Lê Thị L1.

Đ và N đã lấy vàng và giấy đăng ký xe rồi đi vất chiếc ví ở bên vệ đường, điều khiển xe quay lại thị trấn D, huyện T1 với mục đích để bán vàng, do trời tối nên Đ và N đã đứng ở vỉa hè chờ đến 5 giờ sáng cùng ngày để đi bán vàng nhưng chưa có cửa hàng nào mở cửa. Đ lại điều khiển xe mô tô chở N ra H2, đến huyện V1, thành phố H2 thì bị tai nạn giao thông. Đ bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu trong bệnh viện còn N ngồi sau không bị thương. N để lại 01 chiếc điện thoại

Iphone 5S vừa trộm cắp được vào cốp xe còn cầm 01 chiếc điện thoại Iphone 6 và 01 chiếc nhẫn vàng 9999 dạng hình tròn mang đi bán trong ngày 03/9/2020. Chiếc điện thoại N bán với giá 300.000đ tại một cửa hàng điện thoại ở H2 không nhớ địa chỉ cụ thể, bán chiếc nhẫn vàng được 5.000.000đ tại cửa hàng vàng bạc D2 (số nhà 121, khu 6, thị trấn D, huyện Thái Thụy). Số tiền bán vàng và điện thoại N cầm đi khỏi địa phương và tiêu sài hết. Đến 08 giờ ngày 06/9/2020 Nguyễn Xuân N đã đến Công an huyện T1 đầu thú còn Nguyễn Văn Đ sau khi điều trị tại bệnh viện, đủ điều kiện sức khỏe đã tới Công an huyện T1 làm việc theo giấy triệu tập và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐG ngày 11/9/2020 kết luận:

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone5s đã qua sử dụng giá 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone6 đã qua sử dụng giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- 01 (Một) chiếc máy tính xách tay Lenovothinkpad T420coreI5 đã qua sử dụng giá 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc nhẫn vàng 9999 hình tròn giá 5.350.000đ (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 17B6-359.25 đã qua sử dụng giá 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Vật chứng được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 xác định:

- 01 (Một) ống nước nhựa loại phi 27 dài 197cm, đường kính 2,5cm một đầu buộc dây thép bẻ thành móc (đã qua sử dụng).

Bản cáo trạng số 97/CT-VKSTT ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân N và Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Bị hại chị Lê Thị L1 tại phiên tòa đề N các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị số tiền thiệt hại tài sản là 12.750.000đ, ngoài ra không yêu cầu bồi thường thêm bất kì khoản chi phí nào khác. Riêng bị cáo N đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường cho chị 6.375.000đ vào ngày 26/11/2020 và cũng đã ăn năn hối cải xin lỗi chị về hành vi phạm tội của mình nên chị L1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N. Riêng bị cáo Đ thì mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Y đã bồi thường cho chị là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn), số tiền còn lại đến phiên tòa vẫn chưa bồi thường cho chị, chị không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ và chị đề N xét xử bị cáo Đ một mức án thật nghiêm minh mới có tác dụng răn đe bị cáo.

Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị cáo Nguyễn Văn Đ cư trú phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bỏ học từ năm lớp 7, bố mẹ bị cáo hiện đã ly hôn và bị cáo đang sống cùng mẹ, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo thường xuyên tụ tập với những thành phần phức tạp, không nghiêm chỉnh chấp hành các đường lối chính sách của địa phương. Do đó, đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị cáo

Nguyễn Văn Đ cư trú đề N Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy áp dụng một mức án nghiêm khắc với bị cáo Đ mới có tác dụng răn đe và cải tạo bị cáo có hiệu quả.

Bà Nguyễn Thị Y là người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày: Bị cáo Đ hiện nay là người chưa thành niên, không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên bà tự nguyện cho chị Lê Thị L1 thay bị cáo 3.000.000đ. Số tiền còn lại bà Y không đồng ý bồi thường cho chị Lê Thị L1.

Người bào chữa của bị cáo Đ trình bày: Đề N Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt, không áp dụng hình phạt là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề N Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân N, Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự đề N xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân N N từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/9/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự đề N xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hai bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Loan là 12.750.000đ, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 6.375.000đ (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo N đã bồi thường xong nên không đề N giải quyết, bà Nguyễn Thị Y đã bồi thường thay bị cáo Đ 3.000.000đ, buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn Đ1 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị Lê Thị L1 3.375.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (Một) ống nước nhựa loại phi 27 dài 197cm, đường kính 2,5cm một đầu buộc dây thép bẻ thành móc (đã qua sử dụng).

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có thể trở thành người công dân có ích với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy ông Phạm Thọ D1 đã được triệu tập hợp lệ, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai đầy đủ và cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên sự vắng mặt của ông D1 không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều

292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản xác định vị trí địa điểm, Biên bản xác định hiện trường, Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/9/2020; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập ngày 06/9/2020; Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ đồ vật ngày 14/9/2020, Bản kết luận định giá số số 29/KL-ĐG ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian 01 giờ ngày 03/9/2020, các bị cáo Nguyễn Xuân N và Nguyễn Văn Đ đã lợi dụng sơ hở, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Lê Thị L1 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S đã qua sử dụng trị giá 950.000đ; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ; 01 chiếc máy tính xách tay Lenovothinkpad T420coreI5 đã qua sử dụng giá 3.750.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng 9999 hình tròn giá 5.350.000đ; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 17B6-359.25 đã qua sử dụng giá 25.500.000đ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 38.550.000đ với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đâu, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử và xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi phạm tội, tất cả đều là người thực hành nên cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản trộm cắp đã chiếm đoạt là 38.550.000đ.

[6] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo N và Đ đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Xuân N sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại Công an huyện T1, đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại trong phần của mình cho chị Lê Thị L1, bị hại là chị Lê Thị L1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo N và Đ trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Bị cáo Đ và N tuy không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân, trở thành công dân lương thiện mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ có giá trị lớn. Bị cáo Đ phạm tội thực hiện hành vi phạm tội khi 16 tuổi 3 tháng 3 ngày, ở độ tuổi này đáng lẽ bị cáo phải chăm chỉ học tập để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên bị cáo không biết tu chí học tập và rèn luyện, đã bỏ học lại thường xuyên bỏ nhà ra đi, không chấp hành tốt đường lối chính sách của địa phương nơi cư trú, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân với giá trị lớn, đến nay vẫn chưa tích cực trong việc tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại và đại diện chính quyền địa phương nơi bị cáo Đ cư trú cũng đề N áp dụng một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nêu trên, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Xuân N và Nguyễn Văn Đ, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội như đề N của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp.

[7] Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị, bị cáo Đ là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị L1 yêu cầu bị cáo N và Đ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường 12.750.000đ gồm trị giá thiệt hại của chiếc điện thoại di động Iphone 6 trị giá 3.000.000đ, 01 chiếc nhẫn vàng 9999 hình tròn trị giá 5.350.000đ và tiền sửa chữa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 17B6-359.25 là 4.440.000đ. Do hai bị cáo có vai trò như nhau trong vụ án này nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị L1 6.375.000đ là phù hợp. Bị cáo N đã thực hiện việc bồi thường xong 6.375.000đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi, chưa có thu nhập, chưa có tài sản, bà Nguyễn Thị Y đã thay bị cáo Đ bồi

thường cho chị Lê Thị L1 3.000.000đ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bố mẹ đẻ bị cáo Đ là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Y phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Lê Thị L1 3.375.000đ.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) ống nước nhựa loại phi 27 dài 197cm, đường kính 2,5cm một đầu buộc dây thép bẻ thành móc (đã qua sử dụng) là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội đã không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về các vấn đề khác: Đối với ông Phạm Thọ D1 là chủ cửa hàng vàng bạc Diên Linh là người mua 01 chỉ vàng 9999 dạng nhẫn tròn do N bán, quá trình mua ông không biết tài sản trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với ông D1 là phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, 23 N Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân N và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân N 02 (Hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn H1, xã T4, huyện T1, tỉnh T là bố mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho chị Lê Thị L1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1, tỉnh Thái Bình 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (Một) ống nước nhựa loại phi 27 dài 197cm, đường kính 2,5cm một đầu buộc dây thép bẻ thành móc (đã qua sử dụng).

(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy)

5. Về án phí:

Mỗi bị cáo Nguyễn Xuân N, Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự

sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ, người bào chữa của bị cáo Đ, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/12/2020. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND huyện Thái Thụy;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thái Thụy;*
- *Công an huyện T1;*
- *UBND xã T4;*
- *UBND xã T2;*
- *Sở tư pháp tỉnh T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh